

Ngọc Hôi, ngày 06 tháng 03 năm 2020

Số: 10/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI TỈNH KON TUM

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Hà Thị Đ - sinh năm 1992;

- Anh Lê Thanh B - sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 27 tháng 02 năm 2020, chị Hà Thị Đ và anh Lê Thanh B trình bày:

[1] Về hôn nhân: Chị Hà Thị Đ và anh Lê Thanh B kết hôn với nhau năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh K, thời gian đầu vợ, chồng hạnh phúc, vui vẻ, nhưng càng về sau càng phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, do tính tình không hợp, cuộc sống vợ chồng không được hòa thuận, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cả hai cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Thời kỳ hôn nhân chị Hà Thị Đ và anh Lê Thanh B sinh được hai con chung là Lê Hà Anh T - sinh ngày 22/8/2013 và Lê Hà Gia T - sinh ngày 23/12/2016 khi ly hôn anh, chị thỏa thuận: Chị Hà Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Hà Gia T; Anh Lê Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Hà Anh T cho đến khi hai con trưởng thành, tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét thấy: Căn cứ nội dung đơn yêu cầu của các đương sự và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, Tòa án thụ lý giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành kiểm tra, việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu vẫn giữ quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung.

Chị Hà Thị Đ và anh Lê Thanh B quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc. Việc chị Đ và anh B xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy việc chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung của Chị Hà Thị Đ và anh Lê Thanh B là có cơ sở.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Đ và anh Lê Thanh B

- Về con chung: Chị Hà Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Hà Gia T - sinh ngày 23/12/2016; Anh Lê Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Hà Anh T- sinh ngày 22/8/2013 cho đến khi hai con trưởng thành, tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở người đó quyền, nghĩa vụ này.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Áp dụng Điều 144; 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/BUBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Lê Thanh B nhận chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh B đã nộp tạm ứng lệ phí sơ thẩm theo biên lai số: AA/2016/0002313 ngày 11/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, thành tiền lệ phí sơ thẩm, anh B đã nộp xong.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- UBND xã Đăk Kan, huyện Ngọc Hồi;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự./.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bá Khen